

Số: 1884 /CNPĐ-KHKD
V/v đề nghị báo giá vật tư thay thế cho bơm
cấp Turbine, bơm tăng áp- Nhà máy Nhiệt
điện Thái Bình 2

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, có trụ sở tại Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Hiện nay, Chi nhánh Phát điện Dầu khí đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế cho bơm cấp Turbine, bơm tăng áp phục vụ công tác BDSC định kỳ năm 2025 cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (công suất thiết kế 2x600MW), địa điểm tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình với các thông tin như phụ lục đính kèm.

Bằng văn bản này, Chi nhánh chúng tôi xin được thông báo tới các nhà cung cấp được biết và mong muốn nhận được bản báo giá từ các nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm cung cấp các hệ thống trên tại Việt Nam.

Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi đại diện của Quý Công ty và gửi tới Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 07/11/2024. File mềm (soft copy) xin gửi về địa chỉ email: vanthuhn@pvpgeb.vn và hieunt@pvpgeb.vn. Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Phòng KHKD, ĐT: 0904.783.092

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- GDCN (để b/c);
- Lưu: VT, KHKD (N.T.H).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Quyết Thắng



BIỂU CHÀO GIÁ
MUA SẴM VẬT TƯ THAY THẾ CHO BƠM CẤP TURBINE, BƠM TĂNG ÁP PHỤC VỤ CÔNG TÁC BDSC ĐỊNH KỲ 2025
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2
(Đính kèm văn bản số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

STT	Danh mục hàng hóa và dịch vụ	Thông số kỹ thuật	Model/Nhà sản xuất	Khối lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ	Đơn giá (trước thuế)	Thành tiền (trước thuế)	Thời gian cung cấp
1									
2	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ								
3	THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN								
4	TỔNG CỘNG SAU THUẾ								

(Bằng chữ: đồng)

Điều khoản thương mại:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt:** Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Yêu cầu về hàng hóa:**
 - Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được sản xuất hoàn thiện từ năm 2023 đến nay.
- Bảo hành:**
 - Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày hàng hóa nghiệm thu;
 - Giá trị giữ lại nhằm đảm bảo nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu: 5% giá trị quyết toán Hợp đồng.
- Điều khoản tạm ứng/thanh toán:**
 - Tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng
 - Thanh toán đến 85% giá trị hàng hóa được bàn giao đến công trường.
 - Thanh toán đến 100% giá trị quyết toán Hợp đồng sau khi Hệ thống được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Hiệu lực của báo giá:** 60 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)



PHẠM VI CÔNG VIỆC
(Đính kèm văn bản số /CNPĐ-KHKD ngày / /2024)

Mã hạng mục	Hệ thống/thiết bị	Mã VTTB theo dự toán	Tên vật tư thiết bị	Thông số kỹ thuật/Part No	Bản vẽ tham chiếu	Nhà sản xuất Hiện hữu	Đơn vị tính	Số lượng theo dự toán		Số lượng tồn kho đến thời điểm lập đơn hàng	Số lượng đề xuất mua sắm
								Thay thế	Tổng		
S1.II.13.4	Bơm cấp turbin										
S1.II.13.4-1-01	Bơm cấp tuabin KKS 11LAC10AP001 11LAC10AP002										
		VT-659	RADIAL BEARING	1450	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Bộ	4,00	4,00	4,00	0,00
		VT-660	PADS OF THRUST BEARING	1440	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Cái	48,00	48,00	24,00	24,00



		VT-661	CASING RING	1101	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	8,00	8,00	4,00	4,00
		VT-483	INTER BUSH	1107	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	6,00	6,00	0,00	6,00
		VT-484	BALANCE SLEEVE	1271	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-664	BALANCE BUSH	1272	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-665	THRUST COLLAR	1281	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	0,00	2,00
		VT-666	O- RING/BACK- UP RING	1731-A	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M-	HHI	Bộ	2,00	2,00	1,00	1,00



					M1B-DSE-0001_REV.3						
		VT-667	O-RING	1731-B	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Cái	6,00	6,00	3,00	3,00
		VT-668	O-RING/BACK-UP RING	1731-C	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Bộ	4,00	4,00	2,00	2,00
		VT-669	O-RING/BACK-UP RING	1731-D	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Bộ	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-670	O-RING	1731-E	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-671	O-RING	1731-F	TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00



		VT-672	O-RING	1731-G	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	6,00	6,00	3,00	3,00
		VT-673	SPIRAL WOUND GASKET	1734-A	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-674	SPIRAL WOUND GASKET	1734-B	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-675	METAL GASKET	1734-C	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-485	SPIRAL WOUND GASKET	1734-D	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0001_REV.3	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
S1.II.13.5	Bơm tăng áp										



S1.II.13.5-1-01	Bơm tăng áp KKS 11LAC10AP003 11LAC10AP004										
		VT-486	RADIAL BEARING	1450	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Bộ	4,00	4,00	2,00	2,00
		VT-487	PADS OF THRUST BEARING	1440	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	48,00	48,00	24,00	24,00
		VT-488	CASING RING	1101	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	4,00	4,00	2,00	2,00
		VT-489	THRUST COLLAR	1281	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	2,00	2,00	2,00	0,00
		VT-490	O-RING	1731-A	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE-	HHI	Cái	6,00	6,00	3,00	3,00



					0003_REV.1						
		VT-491	O-RING	1731-B	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-492	SPIRAL WOUND GASKET	1734-A	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00
		VT-493	SPIRAL WOUND GASKET	1734-B	TB2- SDC.VP103- 00LAC-M- M1B-DSE- 0003_REV.1	HHI	Cái	2,00	2,00	1,00	1,00

